

Mã chương: 622

Mẫu số 20c

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Sen

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

Mã ĐVQHNS: 1132915

Mã cấp NS: 3

**BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC**  
Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	1.083.845.617	1.083.845.617	1.083.845.617	1.083.845.617
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	36.000.000	36.000.000	36.000.000	36.000.000
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	23.891.130	23.891.130	23.891.130	23.891.130
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	071	6105	00000	0	0	18.011.794	18.011.794	18.011.794	18.011.794
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	357.419.612	357.419.612	357.419.612	357.419.612
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	2.214.000	2.214.000	2.214.000	2.214.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	154.927.002	154.927.002	154.927.002	154.927.002
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	238.671.817	238.671.817	238.671.817	238.671.817
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	40.915.167	40.915.167	40.915.167	40.915.167
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	26.607.104	26.607.104	26.607.104	26.607.104
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	13.638.389	13.638.389	13.638.389	13.638.389
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	34.487.666	34.487.666	34.487.666	34.487.666
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	35.787.202	35.787.202	35.787.202	35.787.202
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	6.739.200	6.739.200	6.739.200	6.739.200
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	071	6552	00000	0	0	14.970.000	14.970.000	14.970.000	14.970.000
Vật tư văn phòng khác	13	071	6599	00000	0	0	4.400.000	4.400.000	4.400.000	4.400.000

Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	071	6601	00000	0	0	44.000	44.000	44.000	44.000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	071	6608	00000	0	0	4.994.900	4.994.900	4.994.900	4.994.900
Khác	13	071	6649	00000	0	0	15.243.000	15.243.000	15.243.000	15.243.000
In, mua tài liệu	13	071	6651	00000	0	0	1.080.000	1.080.000	1.080.000	1.080.000
Chi phí khác	13	071	6699	00000	0	0	3.380.400	3.380.400	3.380.400	3.380.400
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000
Thuê đào tạo lại cán bộ	13	071	6758	00000	0	0	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6956	00000	0	0	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	071	7001	00000	0	0	590.000	590.000	590.000	590.000
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13	071	7012	00000	0	0	4.200.000	4.200.000	4.200.000	4.200.000
Chi khác	13	071	7049	00000	0	0	6.812.000	6.812.000	6.812.000	6.812.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	071	7053	00000	0	0	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng:</b>					0	0	2.163.670.000	2.163.670.000	2.163.670.000	2.163.670.000
<b>Phần KBNN ghi:</b>										

**Ghi chú:** KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

**Ghi chú của KBNN:**

## KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 21 tháng 1 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Thu01 Tran Hanh

Người ký: Ngoc01 Hoang Minh  
Ngày ký: 21/01/2025 14:51:01  
Chức danh: Phó trưởng phòng  
Đơn vị: VP KBNN Nam Định

Ngoc01 Hoang Minh

## ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 21 tháng 1 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đỗ Thị Bích Ngọc  
Ngày ký: 21/01/2025 08:07:30  
Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Sen

Người ký: Trần Thị Hải Vân  
Ngày ký: 21/01/2025 08:17:24  
Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Sen

Đỗ Thị Bích Ngọc

Trần Thị Hải Vân

